

**CÔNG TY TNHH TRÍ HUỆ PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRÍ HUỆ PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703088042

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

52/15 Khu Phố Tân Thắng, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

Điện thoại: 0904095812

Fax:

Email: ctykhanh89@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý , môi giới hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành điện - điện lạnh, ngành nước; Bán buôn máy móc, thiết bị trong ngành xây dựng. | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép ( trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất); Bán buôn cao su; Bán buôn chất tẩy rửa, chất phụ gia, bột màu, mực in; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn giấy, bao bì các loại, gỗ cây, gỗ chế biến. Bán buôn thùng phuy các loại; (không sản xuất tại trụ sở). | 4669(Chính) |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)                                                                                                                                                             | 8230        |
| 14. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú<br>(không sản xuất tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9620        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội ngoại thất công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ; Lập dự án đầu tư; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án                                      | 7110        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710        |
| 18. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1811        |
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1812        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị trong ngành xây dựng.                                                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8129        |
| 26. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: sản xuất, gia công cửa nhôm, kính, vách ngăn, mặt dựng, cửa gỗ, quầy, tủ, kệ (không sản xuất tại trụ sở).                                                                                                                                                                  | 3100        |
| 27. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm quảng cáo. Hộp đèn, bảng hiệu, pano, tủ kệ, bàn ghế, quầy hàng, giá treo hàng (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                          | 3290        |
| 28. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 34. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                               | 4321 |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                    | 4752 |
| 38. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 40. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN NGỌC KHÁNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079089005245

Ngày cấp: 14/01/2020

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành  
Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 36/5 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36/5 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079089005245

Ngày cấp: 14/01/2020

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành  
Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 36/5 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ  
Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36/5 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương